

Số: 518/QĐ-UBND

*Hiệp Cường, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung kinh phí cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng  
xã Hiệp Cường để đầu tư xây dựng các công trình, dự án về  
sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất  
khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP CƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 cho ngân sách các xã, phường để tăng cường cơ sở vật chất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã Hiệp Cường về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND xã Hiệp Cường về việc chi chuyển nguồn ngân sách xã năm 2025 sang năm 2026;*

*Căn cứ Thông báo số 132-TB/ĐU ngày 23/3/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về việc cấp kinh phí đầu tư công trình, dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Thông báo số 209-TB/ĐU ngày 11/9/2026 của Đảng ủy xã Hiệp Cường về việc cấp kinh phí bổ sung thực hiện 02 dự án: Di chuyển đường điện thôn Phục Lễ xã Hiệp Cường và Di chuyển đường điện thôn Đổng Lương xã Hiệp Cường;*

*Căn cứ Thông báo số 04/TB-TTHĐND ngày 28/4/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Hiệp Cường về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị để đầu tư*

xây dựng các công trình, dự án về sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo số 23/TB-TTHĐND ngày 02/10/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Hiệp Cường về việc bổ sung kinh phí bổ sung kinh phí cho Ban quản lý dự án ĐTXD xã Hiệp Cường để đầu tư xây dựng 02 công trình: Di chuyển đường điện thôn Phục Lễ xã Hiệp Cường và Di chuyển đường điện thôn Đồng Lương xã Hiệp Cường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Trích ngân sách xã năm 2026 số tiền: **2.415.947.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) bổ sung kinh phí cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hiệp Cường để đầu tư xây dựng các công trình, dự án về sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó:

- Công trình Di chuyển đường điện thôn Phục Lễ xã Hiệp Cường, số tiền là **940.788.000 đồng**.

- Công trình Di chuyển đường điện thôn Đồng Lương xã Hiệp Cường, số tiền là **1.475.159.000 đồng**.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang năm 2026 (nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu tại Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 cho ngân sách các xã, phường để tăng cường cơ sở vật chất khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), số tiền: **1.890.791.000 đồng**.

- Từ nguồn kết dư năm 2025 chuyển sang năm 2026 (nguồn tăng thu), số tiền là: **525.156.000 đồng**.

(Có biểu phân bổ kèm theo)

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hiệp Cường có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và đảm bảo chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Phó Giám đốc phụ trách Ban QLDA ĐTXD xã, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IV và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

Ký bởi:  
Phạm  
Tiến  
Mạnh

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT./.



UBND XÃ HIỆP CƯỜNG

Mẫu biểu số 48

Chương: 829

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Hiệp Cường)

Đơn vị: đồng

| STT       | Nội dung                                                                      | Tổng số | Chi tiết theo đơn vị sử dụng                   |            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------|------------|
|           |                                                                               |         | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã (829/338) | Đơn vị ... |
| A         | B                                                                             | 1       | 2                                              | 3          |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                            |         |                                                |            |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                     |         |                                                |            |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                       |         |                                                |            |
| <b>3</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                                                |         |                                                |            |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>                                     |         | <b>2.415.947.000</b>                           |            |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                 |         |                                                |            |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |         |                                                |            |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp an ninh, quốc phòng</b>                                      |         |                                                |            |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                             |         |                                                |            |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                       |         |                                                |            |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                 |         |                                                |            |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                     |         |                                                |            |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                             |         |                                                |            |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                       |         |                                                |            |
| <b>6</b>  | <b>Chi các hoạt động kinh tế</b>                                              |         | <b>2.415.947.000</b>                           |            |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                             |         |                                                |            |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                       |         | 2.415.947.000                                  |            |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                        |         |                                                |            |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                             |         |                                                |            |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                       |         |                                                |            |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin</b>                                       |         |                                                |            |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                             |         |                                                |            |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                       |         |                                                |            |
|           | .....                                                                         |         |                                                |            |
|           | <b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>                                              |         | 1162579                                        |            |
|           | <b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>                                   |         | 0411                                           |            |